



Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO TỔNG KẾT

Việc thi hành Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo), Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018) và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2012). Kể từ khi Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP có hiệu lực cho đến nay, có thể đánh giá việc thi hành các Nghị định như sau:

A. Đối với Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP

I. Kết quả đạt được

1. Đã quy định cụ thể việc xác định sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn theo hướng giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ để phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP. Đây là căn cứ quan trọng để các Bộ, ngành xác định sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn và quy định biện pháp quản lý phù hợp với từng loại sản phẩm, hàng hóa.

2. Đã quy định về thủ tục kiểm tra hàng hóa nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu. Theo đó, căn cứ mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực lựa chọn biện pháp quản lý đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu cho phù hợp, cụ thể:

- a) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân;
- b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật;
- c) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật.

Đồng thời tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng đã quy định việc miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; việc miễn giảm kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu. Đối với hàng hóa áp dụng biện pháp hậu kiểm (việc kiểm tra căn cứ trên cơ sở kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân hoặc kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật), thời

gian kiểm tra và thông quan hàng hóa chỉ tối đa 01 ngày. Đồng thời, đã quy định đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm.

Việc triển khai quy định nêu trên đã mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp, ví dụ như đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, đã chuyển 91% nhóm sản phẩm, hàng hóa (với 93,3% loại sản phẩm cụ thể phân theo mã HS) do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý sang cơ chế hậu kiểm (áp dụng biện pháp quản lý theo điểm a, b nêu trên). Như vậy, trong năm 2019 và năm 2020, chi phí đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN chuyển sang cơ chế hậu kiểm đã giảm (bao gồm chi phí lưu kho, bãi; chi phí cho người đi làm thủ tục nhập khẩu), cụ thể: năm 2019 thì ước tính tổng chi phí giảm được cho các doanh nghiệp khoảng gần 590 tỷ đồng và năm 2020 tổng chi phí giảm được cho doanh nghiệp là hơn 830 tỷ đồng.

3. Đã quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp để bảo đảm hoạt động chỉ định được thực hiện thống nhất, tuân thủ theo đúng các quy định, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả. Quy định này đã giải quyết được các khó khăn, vướng mắc trong thời gian trước đây như còn có sự chòng chéo về quản lý giữa các Bộ, ngành; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp có năng lực không đáp ứng yêu cầu chuẩn mực của tổ chức đánh giá sự phù hợp; chưa quy định cách thức xử lý, xác định kết quả thử nghiệm trọng tài (thử nghiệm kiểm chứng) đối với trường hợp khi xảy ra tranh chấp, khiếu nại hoặc khi phát hiện có dấu hiệu sai về kết quả thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoặc được chỉ định thực hiện...

4. Đã quy định cụ thể hơn các nội dung về “Giải thưởng chất lượng quốc gia” để phù hợp với thực tế triển khai, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giải thưởng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Mã số mã vạch (MSMV) là một công cụ hữu hiệu được ứng dụng phổ biến trong quản lý và được sử dụng bởi tất cả các bên trong chuỗi cung ứng như nhà sản xuất, bán lẻ, dịch vụ vận chuyển, cơ quan quản lý, người tiêu dùng... Trong thời đại phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số MSMV là tiện ích đóng vai trò to lớn trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giúp cho việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm, từ đó các bên tham gia trong chuỗi cung ứng có thể ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, triệu hồi sản phẩm, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyển.

Trong quản lý chất lượng sản phẩm, MSMV là yếu tố cơ bản liên kết thông tin về điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm (công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy của sản phẩm, hàng hóa); là công cụ phục vụ nhà sản xuất giám sát chất lượng sản phẩm, truy tìm, xác định nguồn gốc, nguyên nhân sự cố liên quan đến sản phẩm; người tiêu dùng tra cứu,

tìm kiếm thông tin về chất lượng sản phẩm; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm.

Do đó, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định về quản lý mã số, mã vạch để phát huy được vai trò của mã số, mã vạch và quản lý thống nhất hoạt động này.

6. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá nhằm tăng thêm vai trò, trách nhiệm đầu mối của Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ như giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, hoạt động đánh giá sự phù hợp trong phạm vi cả nước; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hoá; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hoá và hoạt động đánh giá sự phù hợp; chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch kiểm tra về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá hàng năm đối với các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hoá chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; xử lý vi phạm theo thẩm quyền, đưa ra cảnh báo hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý. Đồng thời, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động đăng ký và chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý theo thẩm quyền.

7. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, phù hợp với các văn bản có liên quan (Luật An toàn vệ sinh thực phẩm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Nghị định quản lý phân bón...) và để thống nhất với trách nhiệm về xây dựng, ban hành QCVN của các Bộ quản lý chuyên ngành, giải quyết được các khó khăn, chồng chéo trong quản lý, hạn chế tối đa việc một mặt hàng chịu sự quản lý của nhiều Bộ, ngành.

8. Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp để tăng thêm vai trò, trách nhiệm đầu mối của Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá ở địa phương như chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm tại địa phương về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá tại các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hoá chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp, hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá tại địa phương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hoá tại địa phương; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hoá tại địa phương để cảnh báo cho người tiêu dùng và các cơ quan hữu quan tại địa phương.

II. Một số nội dung của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cần nghiên cứu, xem xét điều chỉnh

1. Ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1258/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 1258/QĐ-TTg). Theo đó, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Đối với Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.

- Quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa đối với trường hợp quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).

- Quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu là các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật quy định tại điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).

2. Đồng thời, trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, doanh nghiệp¹ về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

- Hệ thống các văn bản pháp lý của Việt Nam về vấn đề truy xuất nguồn gốc xuất xứ còn rất sơ khai, chủ yếu là các văn bản quy định, hướng dẫn nhằm giải quyết một phần yêu cầu của thực tiễn vận hành, quản lý đặt ra, chưa mang tính tiêu chuẩn, quy chuẩn, chưa phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

¹ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội Da giày - Túi xách, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam, Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam, Công ty TNHH Việt Nam Parkerizing Hà Nội, Công ty TNHH Joyomark (Việt Nam), Công ty TNHH Shihen Việt Nam, Công ty TNHH Toyo Inn Compounds Việt Nam.

Đồng thời, đang tồn tại một số vấn đề bất cập trong quá trình triển khai truy xuất nguồn gốc thời gian qua.

- Vẫn còn chông chéo về trách nhiệm quản lý chất lượng giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Xây dựng đối với “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*”, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Đồng thời, chưa quy định rõ trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng kim loại quý (trừ vàng) và đá quý, ảnh hưởng quyền lợi của người tiêu dùng.

3. Bên cạnh đó, việc triển khai xét tặng GTCLQG theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có một số khó khăn, vướng mắc khi quá trình xét tặng giải thưởng được xem như là thủ tục hành chính.

Theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, việc xét tặng GTCLQG được tiến hành qua 02 cấp Hội đồng gồm Hội đồng sơ tuyển ở các địa phương và Hội đồng Quốc gia ở cấp Trung ương với quy định tại 02 thủ tục hành chính, bao gồm: Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng GTCLQG (thủ tục hành chính cấp tỉnh) do Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện và thủ tục xét tặng GTCLQG (thủ tục hành chính cấp Trung ương) do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) thực hiện. Từ thực tiễn triển khai hoạt động GTCLQG hàng năm và thông tin phản ánh của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc (Sở Khoa học và Công nghệ), khi thực hiện quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ tham dự GTCLQG theo thủ tục hành chính thì có nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

3.1. Đối với thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng GTCLQG tại Hội đồng sơ tuyển các tỉnh/thành phố (thủ tục hành chính cấp tỉnh):

- Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Bộ phận một cửa. Đồng thời, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP thì trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Trong khi tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, hoạt động GTCLQG không quy định thời gian cụ thể nên không thể xác định được thời gian trả kết quả cho doanh nghiệp tham dự GTCLQG.

- Theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Hội đồng sơ tuyển là cơ quan thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tham dự, xem xét, đánh giá và đề xuất với Hội đồng Quốc gia danh sách các tổ chức, doanh nghiệp được đề nghị tặng GTCLQG. Trong khi đó, thành viên của Hội đồng sơ tuyển là đại diện cho các sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan tại địa phương, do cơ quan thường trực GTCLQG (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) thành lập, không có cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, triển khai. Vì vậy, các địa phương gặp nhiều lúng túng khi triển khai hoạt động GTCLQG theo thủ tục hành chính.

- Hoạt động GTCLQG là hoạt động đặc thù, với nhiều yêu cầu khắt khe. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp có tâm lý ngại tham dự. Do đó, hàng năm, tại nhiều địa phương, ngoài việc tiếp nhận đăng ký tham dự GTCLQG của các doanh nghiệp,

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng còn phải tiến hành lựa chọn các doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tham dự để vận động tham dự. Đồng thời, Báo cáo tham dự GTCLQG được xây dựng theo 7 tiêu chí của GTCLQG, nên trong quá trình lập Báo cáo cần phải hướng dẫn nhiều lần mới có thể hoàn chỉnh Báo cáo. Trong khi đó, theo quy định, Bộ phận một cửa chỉ được hướng dẫn cho doanh nghiệp tham dự GTCLQG hoàn thiện và trả hồ sơ 01 lần. Nhiều doanh nghiệp sau khi nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa theo thủ tục hành chính có tâm lý đã hoàn tất quá trình tham dự. Vì vậy, khi liên hệ với doanh nghiệp để hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, Báo cáo tham dự GTCLQG, các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng gặp rất nhiều khó khăn do có doanh nghiệp cho rằng việc hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, báo cáo không phải là hoạt động hỗ trợ mà là việc gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Nhiều địa phương đang phấn đấu đưa các thủ tục hành chính lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Trong khi đó, thành phần hồ sơ tham dự GTCLQG rất nhiều, không thể nhận hồ sơ qua mạng vì hạ tầng không đáp ứng được. Một số địa phương đã tiến hành làm thủ tục để đưa hoạt động GTCLQG ra khỏi thủ tục hành chính của tỉnh. Trong đó tỉnh Khánh Hòa đã đưa hoạt động GTCQG ra khỏi danh sách thủ tục hành chính cấp tỉnh.

3.2. Đối với thủ tục xét tặng GTCLQG tại Cơ quan thường trực - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (thủ tục hành chính cấp Trung ương):

- Hiện nay, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP không quy định các thời gian cụ thể cho trình tự các bước triển khai hoạt động GTCLQG tại thủ tục hành chính cấp tỉnh và cấp Trung ương (trừ thời hạn đối với việc lấy ý kiến hiệp ý của UBND các tỉnh/thành phố). Trong khi đó, theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính thì hoạt động GTCLQG không đáp ứng đầy đủ các bộ phận tạo thành cơ bản của một thủ tục hành chính (thiếu nội dung về thời hạn giải quyết).

- Về yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: hằng năm, Văn phòng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia tiếp nhận khoảng 80 - 90 bộ hồ sơ từ Hội đồng sơ tuyển các địa phương. Mỗi bộ hồ sơ khoảng từ 150 - 300 trang. Ngoài Báo cáo tham dự của doanh nghiệp, còn có các hồ sơ (Biên bản họp, công văn đề nghị, kết quả đánh giá của Hội đồng sơ tuyển, các xác nhận của cơ quan thuế, môi trường, bảo hiểm, ...) là các bản giấy có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chuyên môn (có dấu đỏ). Vì vậy, các Hội đồng sơ tuyển ở các địa phương gặp khó khăn trong việc số hóa các hồ sơ này.

Như vậy, có thể thấy rằng, qua thực tế triển khai hoạt động GTCLQG như một thủ tục hành chính, có một số khó khăn vướng mắc phát sinh, làm hạn chế sự phát triển của việc tôn vinh, khen thưởng các doanh nghiệp tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

III. Mục tiêu xây dựng văn bản

Việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP nhằm đạt các mục tiêu:

1. Tiếp tục nghiên cứu, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp, phù hợp với quan điểm của Chính phủ trong nhiều năm trở lại đây là xây dựng Chính phủ kiến tạo.

2. Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa người tiêu dùng với doanh nghiệp và mục tiêu quản lý Nhà nước.

3. Thi hành các cam kết về loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đang đàm phán như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định ASEAN...

4. Giải quyết được các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thời gian vừa qua.

5. Phù hợp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới hiện nay.

IV. Một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung chủ yếu hoặc giữ nguyên quy định

1. Về quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bổ sung quy định miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa, tuy nhiên, sẽ quy định cụ thể các loại nguyên liệu được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu để kiểm soát được chất lượng hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất, tránh trường hợp các tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định để nhập khẩu hàng hóa không phù hợp quy định về chất lượng, sử dụng không đúng mục đích, cụ thể như sau: “*Nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng*”.

2. Về quy định doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị giữ nguyên quy định này tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP để giúp cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra, giám sát (hậu kiểm) đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng,

3. Về quy định miễn kiểm tra đối với các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch)

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị giao cho Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung này. Trường hợp không ban hành được quy định này thì kiến nghị bãi bỏ quy định miễn kiểm tra đối với các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) quy định này tại điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số

74/2018/NĐ-CP) để tránh trường hợp các tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định để gian lận, nhập khẩu hàng hóa không đáp ứng chất lượng.

4. Về thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) để thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 9208/VPCP-KGVX ngày 04/11/2020 và kiến nghị của các Hiệp hội, Hội, doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19 hiện nay, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp.

5. Về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

Triển khai quy định tại Điều 10, Điều 12, Điều 16 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Quyết định số 100/QĐ-TTg và có căn cứ để quản lý, thống nhất về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, giải quyết những khó khăn, bất cập trong thời gian vừa qua như (i) hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc của Việt Nam chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất; (ii) tem truy xuất nguồn gốc áp dụng trên các sản phẩm hiện nay chưa được chuẩn hóa về nội dung và hình thức; (iii) các hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện tại mang tính khép kín, không có khả năng tương tác, liên kết, chia sẻ và trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc khác; (iv) thông tin truy xuất nguồn gốc chưa đáp ứng đúng yêu cầu về truy xuất (không duy trì một hệ thống truy xuất nguồn gốc nhằm thu thập và bổ sung thêm các thông tin sự kiện liên quan đến sản phẩm trong suốt chuỗi cung ứng) và để bắt kịp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị sửa đổi, bổ sung Mục 8 của Chương II quy định “Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

6. Về phân công trách nhiệm quản lý chất lượng đối với các Bộ, ngành

Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị sửa đổi, bổ sung điểm l và điểm m khoản 2 và điểm g khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) theo hướng bãi bỏ trách nhiệm quản lý đối với “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và bổ sung trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng “*kim loại quý và đá quý*” cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để thống nhất trách nhiệm quản lý chất lượng giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Xây dựng, tránh chồng chéo, gây khó khăn trong quá trình thực hiện; đồng thời, quy định rõ được trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng kim loại quý, đá quý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, làm căn cứ để triển khai công tác quản lý chất lượng, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng.

7. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép bãi bỏ thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng GTCLQG và thủ tục xét tặng GTCLQG ra khỏi danh mục thủ tục hành chính.

B. Đối với Nghị định số 86/2012/NĐ-CP

I. Kết quả đạt được

1. Đã quy định cụ thể về trách nhiệm kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu tại Điều 13 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP:

- Quy định rõ trách nhiệm kiểm tra nhà nước về đo lường đối với Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó có quy định trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

- Quy định rõ trách nhiệm kiểm tra nhà nước về đo lường đối với Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Quy định rõ trách nhiệm kiểm tra nhà nước về đo lường đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Quy định rõ trách nhiệm kiểm tra nhà nước về đo lường đối với Thanh tra khoa học và công nghệ, Hải quan, Công an, Quản lý thị trường và cơ quan, tổ chức khác.

Thông qua báo cáo đánh giá thực trạng thi hành Nghị định 86/2012/NĐ-CP của bộ, ngành, địa phương, trách nhiệm quản lý nhà nước về đo lường được đánh giá như sau:

- Rõ ràng, không chồng chéo;

- Thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương trong hoạt động quản lý của mình;

- Phát huy được hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về đo lường.

- Hàng năm, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thực hiện kiểm tra thường xuyên, đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên hoặc khi phát hiện có hành vi vi phạm về chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn; các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh.

- Công tác kiểm tra nhà nước về đo lường ở cấp xã chưa thực hiện được, do chưa có cán bộ theo dõi và quản lý thực hiện nhiệm vụ công tác đo lường tại địa phương.

2. Đã quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường tại Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP:

- Quy định về hình thức phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường bao gồm có cử cán bộ tham gia hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về đo lường; cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý vi phạm pháp luật về đo lường; Chủ trì,

phối hợp kiểm tra liên ngành theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương;

- Quy định về việc phối hợp kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu;

- Quy định về việc phối hợp kiểm tra phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn tại nơi sản xuất;

- Quy định về việc phối hợp kiểm tra phép đo, phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn trong lưu thông, buôn bán, sử dụng.

Thông qua báo cáo đánh giá thực trạng thi hành Nghị định 86/2012/NĐ-CP của bộ, ngành, địa phương, quy định về việc phối hợp kiểm tra phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn được đánh giá như sau:

- Đối với hoạt động phối hợp kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu: đã có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về đo lường với cơ quan hải quan tại các cửa khẩu. Tuy nhiên, sau tám năm thực hiện, đã bộc lộ một số bất cập như sau:

- + Thời gian thử nghiệm mẫu để làm thủ tục phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí có một số mặt hàng lên đến 60 - 90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa, gây khó khăn cho doanh nghiệp;

- + Không đủ kho, bãi để lưu giữ phương tiện đo;

- + Phát sinh nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

Với những bất cập nêu trên, kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương tập trung giải quyết vấn đề: Chuyên việc phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 thực hiện sau thông quan (trước khi đưa vào sản xuất, lưu thông tại thị trường nội địa) nhằm giảm thời gian thông quan hàng.

- Đối với hoạt động phối hợp kiểm tra phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn trong lưu thông, buôn bán, sử dụng và tại nơi sản xuất: đã thực hiện tốt, phát huy được hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về đo lường.

II. Một số nội dung của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP cần nghiên cứu, xem xét điều chỉnh

Ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1258/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 1258/QĐ-TTg). Theo đó, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Đối với Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn theo hướng: Chuyển việc phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 thực hiện sau thông quan (trước khi đưa vào sản xuất, lưu thông tại thị trường nội địa) nhằm giảm thời gian thông quan hàng cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, cụ thể như sau:

Quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Kể từ khi Nghị định số 86/2012/NĐ-CP có hiệu lực, công tác quản lý nhà nước về đo lường đã có nhiều chuyển biến tích cực, trong đó có hoạt động về đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo nhập khẩu. Hàng năm, số lượng phương tiện đo đăng ký phê duyệt mẫu tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của một số doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc liên quan đến kiểm tra phương tiện đo nhóm 2 nhập khẩu quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP. Thời gian thử nghiệm mẫu để làm thủ tục phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí có một số mặt hàng lên đến 60 - 90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Đối với lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu, hiện tại Bộ Khoa học và Công nghệ chưa thể ban hành được Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 vì các nước ASEAN cũng như các quốc gia khác trong Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML) còn đang nghiên cứu, chưa thống nhất về việc ban hành Danh mục này.

Về công tác kiểm tra tăng cường, không có hồ sơ phát sinh do Bộ Khoa học và Công nghệ không nhận được ý kiến phản ánh của các cơ quan có liên quan, các doanh nghiệp hay người tiêu dùng. Vì vậy, hoạt động kiểm tra tăng cường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các Bộ, ngành có liên quan và cơ quan Hải quan không thực hiện trong suốt thời gian qua mà chủ yếu được chuyển sang thành hoạt động kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất do đơn vị Thanh tra Khoa học và Công nghệ thực hiện.

III. Mục tiêu xây dựng văn bản

Việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP nhằm đạt các mục tiêu:

1. Tiếp tục nghiên cứu, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp, phù hợp với quan điểm của Chính phủ trong nhiều năm trở lại đây là xây dựng Chính phủ kiến tạo.
2. Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa người tiêu dùng với doanh nghiệp và mục tiêu quản lý Nhà nước.

3. Thi hành các cam kết về loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đang đàm phán như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định ASEAN...

IV. Một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung chủ yếu hoặc giữ nguyên quy định

Trên cơ sở vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP theo hướng: Chuyển việc phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 thực hiện sau thông quan (trước khi đưa vào sản xuất, lưu thông tại thị trường nội địa) nhằm giảm thời gian thông quan hàng hóa. Cụ thể như sau:

Kiến nghị bỏ quy định việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và bỏ quy định về trách nhiệm thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường đối với cơ quan Hải quan trong việc phối hợp với các cơ quan thực hiện kiểm tra quy định tại Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Trên đây nội dung tổng kết việc thi hành Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP./.
